

THÔNG BÁO

Về việc nộp hồ sơ thực hiện các chế độ, chính sách cho sinh viên học kỳ II năm học 2025-2026

Căn cứ các quy định của Nhà nước về chế độ miễn giảm học phí, chế độ trợ cấp xã hội, chế độ hỗ trợ chi phí học tập và chế độ hỗ trợ học tập đối với sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN thông báo về việc nộp hồ sơ để thực hiện các chế độ, chính sách cho sinh viên học kỳ II năm học 2025-2026 như sau:

1. Đối tượng, chế độ được hưởng và hồ sơ phải nộp

1.1 Chế độ miễn giảm học phí

Văn bản quy định: Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

TT	Đối tượng	Mức miễn/giảm	Hồ sơ (Ngoài đơn, các giấy tờ khác là bản sao có công chứng hoặc chứng thực)
1.	Sinh viên là các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng	Miễn	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu) - Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối với người có công - Giấy khai sinh
2.	Sinh viên là người khuyết tật	Miễn	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu) - Giấy xác nhận khuyết tật
3.	Sinh viên từ 16 đến 22 tuổi thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 5 Nghị định 20/2021/NĐ-CP về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	Miễn	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu) - Quyết định về việc trợ cấp xã hội hoặc Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ do UBND xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp
4.	SV là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định	Miễn	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu) - Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo năm 2026 do UBND xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh cấp
5.	Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người (gồm: Cống, Mảng, Pu Péo, SiLa, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thên, La Hủ) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền	Miễn	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu) - Giấy khai sinh hoặc giấy chứng nhận dân tộc - Giấy chứng nhận ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn do UBND cấp xã cấp

6.	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) mà bản thân và cha hoặc mẹ có nơi thường trú tại thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	Giảm 70%	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu) - Giấy khai sinh - Giấy xác nhận thông tin cư trú - Giấy chứng nhận nơi thường trú tại thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo do UBND cấp xã cấp.
7.	SV có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	Giảm 50%	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu) - Quyết định hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do cơ quan bảo hiểm xã hội cấp. - Giấy khai sinh

1.2. Chế độ trợ cấp xã hội

Văn bản quy định:

- Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập.

- Thông tư số 53/1998/TT-LT-BGD&ĐT/BTC/BLĐ-TBXH ngày 25/8/1998 hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

- Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập;

TT	Đối tượng	Mức TCXH	Hồ sơ (Ngoài đơn, các giấy tờ khác là bản sao có công chứng hoặc chứng thực)
1.	Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa.	100.000đ/tháng	- Đơn xin TCXH (theo mẫu) - Giấy chứng tử của Cha và Mẹ hoặc giấy xác nhận của UBND cấp xã, phường. - Giấy khai sinh
2.	Sinh viên tàn tật từ 41% trở lên và có khó khăn về kinh tế	100.000đ/tháng	- Đơn xin TCXH (theo mẫu) - Giấy giám định y khoa. - Giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026
3.	SV là người dân tộc ít người thường trú 3 năm trở lên tại vùng cao, vùng sâu, vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn (tính đến thời điểm vào học tại trường).	140.000đ/tháng	- Đơn xin TCXH (theo mẫu) - Giấy khai sinh - Giấy xác nhận thường trú 3 năm trở lên tại vùng cao, vùng sâu, vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn của cơ quan có thẩm quyền
4.	Sinh viên thuộc diện hộ nghèo vượt khó học tập	100.000đ/tháng	- Đơn xin TCXH (theo mẫu) - Giấy chứng nhận hộ nghèo năm 2026

1.3 Chế độ hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên dân tộc thiểu số

Văn bản quy định:

- Quyết định 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

- Thông tư liên tịch 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 của Bộ Giáo dục đào tạo và Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Đối tượng	Mức hỗ trợ/tháng	Hồ sơ (Ngoài đơn, các giấy tờ khác là bản sao có công chứng hoặc chứng thực)
Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo (không áp dụng đối với sinh viên cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ)	bằng 60% mức lương cơ sở và được hưởng 10 tháng/năm.	- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (theo mẫu) - Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 do UBND xã, phường, thị trấn cấp - Giấy khai sinh

1.4 Chế độ hỗ trợ học tập đối với sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người

Văn bản quy định: Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người

Đối tượng	Mức hỗ trợ/tháng	Hồ sơ (Ngoài đơn, các giấy tờ khác là bản sao có công chứng hoặc chứng thực)
Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người gồm: Cống, Mảng, PuPéo, SiLa, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chút, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thên, La Hủ đang học tại Trường. <i>Lưu ý: sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người hưởng chế độ này thì không được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập thuộc mục 1.3.</i>	bằng 100% mức lương cơ sở và hưởng 12 tháng/năm	- Đơn đề nghị hỗ trợ học tập (theo mẫu) - Giấy khai sinh hoặc sổ hộ khẩu gia đình bản sao

2. Quy định về việc nộp hồ sơ

2.1 Đối tượng phải nộp hồ sơ:

- Sinh viên chưa được hưởng chế độ chính sách ở HKI năm học 2025-2026.
- Sinh viên đã được hưởng các chế độ chính sách ở học kỳ I năm học 2025-2026 thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo; SV thường trú tại thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, xã đặc biệt khó khăn nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định.

2.2 Đối tượng không phải nộp hồ sơ

- Sinh viên đã được hưởng các chế độ chính sách ở học kỳ I năm học 2025-2026 không phải đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo; SV thường trú tại thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, xã đặc biệt khó khăn không phải nộp lại hồ sơ.

2.3 Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ

- Thời gian nộp hồ sơ: từ ngày 10/3/2026 đến hết ngày 12/3/2026

- **Địa điểm nộp hồ sơ:** sinh viên nộp hồ sơ trực tuyến theo [biểu mẫu đính kèm](#) và nộp trực tiếp hồ sơ bản giấy tại Phòng Đào tạo và Người học (**P106 nhà A1**).

Các trường hợp nộp hồ sơ không đầy đủ và không đúng hạn, Nhà trường sẽ không giải quyết.

Chi tiết xin liên hệ: chuyên viên phụ trách: Trần Thúy Ngân, Phòng Đào tạo và Người học (P.106 nhà A1); điện thoại: 024 6686 3316.

Đề nghị Trưởng các Khoa đào tạo phổ biến thông báo này tới tất cả sinh viên chính quy các khóa QH.2022.F1, QH.2023.F1, QH.2024.F1, QH.2025.F1.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo)
- Các khoa đào tạo chính quy;
- Lưu: QTĐH, ĐT&NH, NG10.

TL.HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Vũ Văn Hải